CÁC NHÂN TỐ TỔ CHỨC VÀ THỂ CHẾ ẢNH HƯỞNG ĐẾN HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG BỀN VỮNG CỦA DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA VIỆT NAM: VAI TRÒ CỦA CHẤT LƯỢNG THÔNG TIN TRÊN BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ CHUYỂN ĐỔI SỐ

ThS. Võ Đình Phụng[1]* - PGS.TS. Ngô Thị Thu Hồng[2] - TS. Lê Thị Hương[2]

Nghiên cứu xem xét tác động của các nhân tố tổ chức và thể chế đến hiệu quả hoạt động bền vững của doanh nghiệp nhỏ và vừa Việt Nam, với chất lượng thông tin trên báo cáo tài chính là biến trung gian và chuyển đổi số là biến điều tiết. Dữ liệu gồm 410 quan sát hợp lệ từ nhóm quản lý và kế toán - tài chính. Phương pháp PLS-SEM trên SmartPLS 4 được sử dụng để kiểm định mô hình. Kết quả cho thấy các nhân tố tổ chức và thể chế đều cải thiện chất lượng thông tin tài chính; chất lượng thông tin tài chính tác động tích cực đến hiệu quả bền vững; chuyển đổi số làm tăng cường độ mối quan hệ này. Nghiên cứu hàm ý doanh nghiệp nhỏ và vừa cần nâng cao chất lượng thông tin tài chính, phát triển kế toán số và đẩy mạnh chuyển đổi số.

• Từ khóa: *chất lượng thông tin, báo cáo tài chính, hiệu quả hoạt động bền vững; doanh nghiệp nhỏ và vừa, chuyển đổi số.*

This study examines the impact of organizational and institutional factors on the sustainable performance of Vietnamese small and medium-sized enterprises (SMEs), with financial reporting information quality as the mediating variable and digital transformation as the moderating variable. The data consists of 410 valid observations from the management and accounting-finance groups. The PLS-SEM method on SmartPLS 4 was used to test the model. The results show that both organizational and institutional factors improve the quality of financial information; financial information quality positively impacts sustainable performance; and digital transformation strengthens this relationship. The study implies that SMEs need to improve the quality of financial information, develop digital accounting, and promote digital transformation.

• Key words: *information quality, financial reporting, sustainable performance; SMEs, digital transformation.*

Ngày nhận bài: 04/5/2026
Ngày gửi phản biện: 22/5/2026
Ngày duyệt đăng: 08/6/2026

DOI: https://doi.org/10.71374/jfarv.v26.i315.27

Đặt vấn đề

Trong bối cảnh phát triển bền vững và chuyển đổi số trở thành yêu cầu quan trọng, chất lượng thông tin trên báo cáo tài chính giữ vai trò then chốt trong quản trị, ra quyết định và tạo dựng niềm tin với các bên liên quan. Đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa, báo cáo tài chính không chỉ phục vụ tuân thủ kế toán, thuế và kiểm toán, mà còn là căn cứ để nhà quản lý đánh giá hoạt động, ngân hàng xem xét tín dụng, nhà đầu tư nhận diện triển vọng và đối tác đánh giá minh bạch. Vì vậy, báo cáo tài chính có chất lượng là nền tảng giúp doanh nghiệp kiểm soát nguồn lực và định hướng phát triển dài hạn.

Chất lượng thông tin trên báo cáo tài chính được hiểu là mức độ thông tin tài chính phản ánh phù hợp, trung thực, có thể so sánh, kiểm chứng, kịp thời và dễ hiểu. Kaawaase và cộng sự (2021) cho thấy quản trị doanh nghiệp và chất lượng kiểm toán nội bộ có liên quan đến chất lượng báo cáo tài chính, hàm ý rằng chất lượng thông tin không chỉ phụ thuộc vào kỹ thuật kế toán mà còn chịu ảnh hưởng bởi quản trị, kiểm soát và môi trường tổ chức. Cantele và Zardini (2020) nhấn mạnh áp lực, rào cản và lợi ích cảm nhận trong định hướng bền vững; Malesios và cộng sự (2021) cho rằng hiệu quả bền vững cần được đánh giá trên ba khía cạnh kinh tế, xã hội và môi trường.

Tuy nhiên, trong bối cảnh doanh nghiệp nhỏ và vừa Việt Nam, các nghiên cứu xem xét đồng thời tác động của định hướng phát triển bền vững, năng lực quản trị, năng lực kế toán số, chất lượng kiểm toán và áp lực thể chế đến chất lượng thông tin

[1] Trường đại học Ngoại ngữ - Tin học Thành phố Hồ Chí Minh; email: phungvd1@huflit.edu.vn
[2] Học viện Tài chính
** Email liên hệ: phungvd1@huflit.edu.vn*

trên báo cáo tài chính vẫn còn hạn chế. Đặc biệt, mối quan hệ giữa chất lượng thông tin tài chính và hiệu quả hoạt động bền vững cần được đặt trong điều kiện chuyển đổi số, vì chuyển đổi số có thể nâng cao khả năng thu thập, xử lý, phân tích và sử dụng thông tin cho quản trị.

Từ khoảng trống trên, bài viết nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến chất lượng thông tin trên báo cáo tài chính và hiệu quả hoạt động bền vững của doanh nghiệp nhỏ và vừa Việt Nam, đồng thời xem xét vai trò điều tiết của chuyển đổi số. Mô hình gồm năm biến độc lập, một biến trung gian, một biến phụ thuộc và một biến điều tiết. Dữ liệu khảo sát sơ cấp được kiểm định bằng SmartPLS 4.

Cơ sở lý thuyết

Nghiên cứu được xây dựng trên cơ sở kết hợp lý thuyết các bên liên quan, lý thuyết thể chế, lý thuyết nguồn lực và lý thuyết năng lực động. Theo Freeman (1984), doanh nghiệp không chỉ chịu trách nhiệm trước chủ sở hữu mà còn phải đáp ứng kỳ vọng của người lao động, khách hàng, nhà cung cấp, ngân hàng, cơ quan quản lý và cộng đồng. Trong bối cảnh phát triển bền vững, các bên liên quan ngày càng đòi hỏi thông tin tài chính minh bạch, đáng tin cậy và có khả năng giải trình. Khi doanh nghiệp nhỏ và vừa theo đuổi định hướng bền vững, báo cáo tài chính không chỉ phản ánh kết quả hoạt động mà còn hỗ trợ đánh giá sử dụng nguồn lực, kiểm soát rủi ro và triển vọng dài hạn. Cantele và Zardini (2020) đề cập vai trò của áp lực, rào cản và lợi ích cảm nhận; Malesios và cộng sự (2021) nhấn mạnh hiệu quả bền vững trên các khía cạnh kinh tế, xã hội và môi trường.

Lý thuyết thể chế của DiMaggio và Powell (1983) giải thích rằng hành vi doanh nghiệp chịu ảnh hưởng bởi áp lực cưỡng chế, chuẩn mực và mô phỏng từ môi trường bên ngoài. Với doanh nghiệp nhỏ và vừa Việt Nam, áp lực này có thể đến từ pháp luật kế toán, thuế, kiểm toán, yêu cầu của ngân hàng, khách hàng lớn, đối tác chuỗi cung ứng và chuẩn mực nghề nghiệp. Các áp lực đó thúc đẩy doanh nghiệp chuẩn hóa quy trình kế toán, tăng cường minh bạch và nâng cao độ tin cậy của báo cáo tài chính. Zhang và cộng sự (2024) cho thấy áp lực thể chế có liên hệ với đổi mới xanh và hiệu quả bền vững, củng cố lập luận rằng môi trường thể chế có thể thúc đẩy doanh nghiệp điều chỉnh hệ thống quản trị và thông tin theo hướng phát triển dài hạn.

Theo lý thuyết nguồn lực của Barney (1991), năng lực phát triển của doanh nghiệp được hình thành từ các nguồn lực có giá trị, khó bắt chước và khó thay thế. Trên cơ sở này, năng lực quản trị doanh nghiệp, năng lực kế toán số và chất lượng kiểm toán là các nguồn lực tổ chức quan trọng giúp cải thiện chất lượng thông tin trên báo cáo tài chính. Năng lực quản trị giúp thiết lập cơ chế giám sát, phân quyền và kiểm soát trách nhiệm; chất lượng kiểm toán giúp xác nhận tính trung thực, hợp lý và hỗ trợ hoàn thiện kiểm soát; năng lực kế toán số giúp nâng cao khả năng thu thập, xử lý, lưu trữ và truy xuất dữ liệu tài chính. Các bằng chứng từ Hasan và cộng sự (2022), Kaawaase và cộng sự (2021), Kerrouche và Belouadah (2025) cho thấy quản trị, kiểm toán và kế toán số đều có liên hệ tích cực với chất lượng báo cáo tài chính.

Đối với vai trò điều tiết của chuyển đổi số, lý thuyết năng lực động của Teece và cộng sự (1997) cho rằng doanh nghiệp cần tích hợp, tái cấu trúc và khai thác nguồn lực để thích ứng với môi trường biến động. Chuyển đổi số không chỉ là sử dụng phần mềm hay công nghệ, mà còn là khả năng thay đổi cách doanh nghiệp tạo lập, phân tích và sử dụng thông tin trong quản trị. Melo và cộng sự (2023) cho rằng chuyển đổi số trong doanh nghiệp nhỏ và vừa có liên quan đến đo lường hiệu quả theo các trụ cột bền vững. Vì vậy, logic mô hình là: các nhân tố tổ chức và thể chế tác động đến chất lượng thông tin trên báo cáo tài chính; chất lượng thông tin tài chính dẫn đến hiệu quả hoạt động bền vững; chuyển đổi số làm gia tăng khả năng khai thác thông tin để tạo ra giá trị bền vững.

Phương pháp nghiên cứu

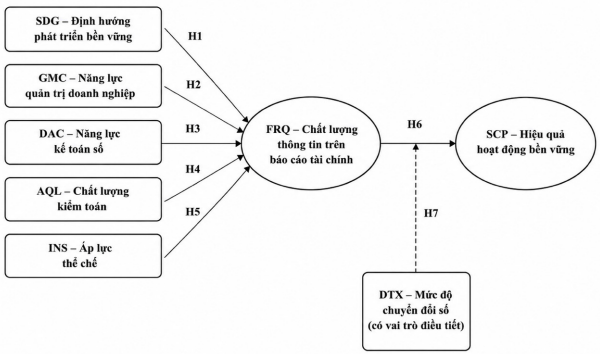
Nghiên cứu sử dụng phương pháp định lượng thông qua khảo sát sơ cấp nhằm kiểm định mô hình các nhân tố ảnh hưởng đến chất lượng thông tin trên báo cáo tài chính và hiệu quả hoạt động bền vững của doanh nghiệp nhỏ và vừa Việt Nam. Cách tiếp cận này phù hợp vì các biến như định hướng phát triển bền vững, năng lực quản trị, kế toán số, kiểm toán, áp lực thể chế, chuyển đổi số, FRQ và SCP đều là cấu trúc tiềm ẩn, khó đo lường đầy đủ bằng dữ liệu thứ cấp.

Dữ liệu được thu thập bằng bảng hỏi cấu trúc với thang đo Likert 5 mức độ, từ "hoàn toàn không đồng ý" đến "hoàn toàn đồng ý". Đối tượng khảo sát gồm chủ doanh nghiệp, nhà quản lý, kế toán trưởng, nhân sự kế toán - tài chính và người am hiểu hệ thống báo cáo tài chính trong doanh nghiệp nhỏ và vừa. Sau sàng lọc, nghiên cứu thu được 410 quan sát hợp lệ, đáp ứng yêu cầu phân tích PLS-SEM đối với mô hình có quan hệ trung gian và điều tiết.

Dữ liệu được xử lý bằng SmartPLS 4 theo hai bước. Thứ nhất, mô hình đo lường được đánh giá qua hệ số tải ngoài, Cronbach's Alpha, độ tin cậy tổng hợp, AVE, Fornell-Larcker và HTMT để kiểm tra độ tin cậy, giá trị hội tụ và giá trị phân biệt. Thứ hai, mô hình cấu trúc được đánh giá qua VIF, hệ số đường dẫn, t-value, p-value, R^2, f^2 và bootstrapping. Các giả thuyết H1-H5 kiểm định tác động của năm nhân tố đến FRQ; H6 kiểm định tác động của FRQ đến SCP; H7 kiểm định vai trò điều tiết của chuyển đổi số.

Mô hình nghiên cứu đề xuất

Trên cơ sở tổng hợp các nghiên cứu trước đây và nền tảng lý thuyết, nghiên cứu xây dựng mô hình phân tích tác động của các nhân tố tổ chức và thể chế đến hiệu quả hoạt động bền vững của doanh nghiệp nhỏ và vừa Việt Nam. Trong mô hình, chất lượng thông tin trên báo cáo tài chính giữ vai trò trung gian, còn chuyển đổi số giữ vai trò điều tiết, như sau:



Nguồn: Tác giả đề xuất

Từ mô hình nghiên cứu đề xuất, các giả thuyết được xây dựng như sau:

H1: Định hướng phát triển bền vững ảnh hưởng tích cực đến chất lượng thông tin trên báo cáo tài chính của doanh nghiệp nhỏ và vừa.

H2: Năng lực quản trị doanh nghiệp ảnh hưởng tích cực đến chất lượng thông tin trên báo cáo tài chính của doanh nghiệp nhỏ và vừa.

H3: Năng lực kế toán số ảnh hưởng tích cực đến chất lượng thông tin trên báo cáo tài chính của doanh nghiệp nhỏ và vừa.

H4: Chất lượng kiểm toán ảnh hưởng tích cực đến chất lượng thông tin trên báo cáo tài chính của doanh nghiệp nhỏ và vừa.

H5: Áp lực thể chế ảnh hưởng tích cực đến chất lượng thông tin trên báo cáo tài chính của doanh nghiệp nhỏ và vừa.

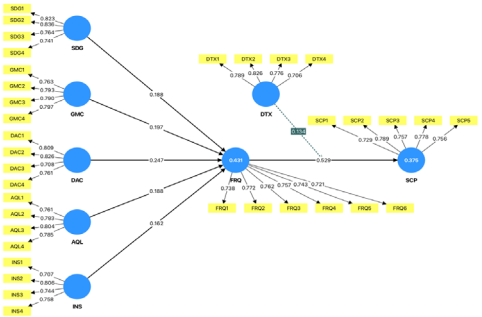
H6: Chất lượng thông tin trên báo cáo tài chính ảnh hưởng tích cực đến hiệu quả hoạt động bền vững của doanh nghiệp nhỏ và vừa.

H7: Mức độ chuyển đổi số điều tiết mối quan hệ giữa chất lượng thông tin trên báo cáo tài chính và hiệu quả hoạt động bền vững của doanh nghiệp nhỏ và vừa.

Kết quả nghiên cứu

Dữ liệu khảo sát được xử lý bằng SmartPLS 4 theo hai bước: đánh giá mô hình đo lường và đánh giá mô hình cấu trúc. Kết quả được trình bày theo hướng tập trung vào các chỉ tiêu cần thiết, gồm độ tin cậy thang đo, ý nghĩa thống kê của giả thuyết, mức độ giải thích, vai trò điều tiết của chuyển đổi số và mức độ phù hợp chung của mô hình.

Kết quả đánh giá mô hình đo lường



Kết quả đánh giá mô hình đo lường cho thấy các thang đo đạt yêu cầu về độ tin cậy và giá trị hội tụ. Hệ số tải ngoài dao động từ 0,706 đến 0,836, đều lớn hơn ngưỡng 0,70 và thấp hơn 0,90, cho thấy các biến quan sát phản ánh tốt khái niệm tiềm ẩn nhưng không trùng lặp nội dung quá mức. Cronbach's Alpha dao động từ 0,749 đến 0,843; Composite Reliability từ 0,841 đến 0,885; AVE từ 0,561 đến 0,627. Như vậy, các thang đo đạt độ tin cậy nhất quán nội bộ và giá trị hội tụ phù hợp.

Bảng 1. Kết quả rút gọn đánh giá mô hình đo lường

Nhân tố	Hệ số tải ngoài	Cronbach's Alpha	Composite Reliability	AVE
SDG	0,741–0,836	0,803	0,870	0,627
GMC	0,763–0,797	0,793	0,866	0,617
DAC	0,708–0,826	0,781	0,859	0,604
AQL	0,761–0,804	0,790	0,864	0,614
INS	0,707–0,806	0,749	0,841	0,570
DTX	0,706–0,826	0,780	0,857	0,601
FRQ	0,721–0,772	0,843	0,885	0,561
SCP	0,729–0,789	0,819	0,874	0,581

Nguồn: Kết quả xử lý dữ liệu khảo sát của tác giả bằng SmartPLS 4.

Giá trị phân biệt được xác nhận thông qua chỉ số HTMT. Tất cả các giá trị HTMT đều nhỏ hơn 0,85; giá trị cao nhất là 0,697 giữa FRQ và SCP,

vẫn nằm trong ngưỡng chấp nhận. Do đó, các khái niệm trong mô hình có sự phân biệt rõ ràng và dữ liệu phù hợp để tiếp tục kiểm định mô hình cấu trúc.

Kết quả kiểm định mô hình cấu trúc

Trước khi kiểm định giả thuyết, đa cộng tuyến được xem xét thông qua hệ số VIF. Kết quả cho thấy VIF dao động từ 1,007 đến 1,351, thấp hơn ngưỡng 3,3 hoặc 5 thường được sử dụng trong PLS-SEM. Như vậy, mô hình không có vấn đề đa cộng tuyến nghiêm trọng và các hệ số đường dẫn có thể được diễn giải phù hợp.

Bảng 2. Kết quả rút gọn kiểm định hệ số đường dẫn

Giả thuyết/Quan hệ	β	T-value	P-value	Kết luận
H1: SDG → FRQ	0,188	4,742	<0,001	Chấp nhận
H2: GMC → FRQ	0,197	4,743	<0,001	Chấp nhận
H3: DAC → FRQ	0,247	6,787	<0,001	Chấp nhận
H4: AQL → FRQ	0,188	4,491	<0,001	Chấp nhận
H5: INS → FRQ	0,162	4,451	<0,001	Chấp nhận
H6: FRQ → SCP	0,529	14,607	<0,001	Chấp nhận
H7: DTX × FRQ → SCP	0,134	3,805	<0,001	Chấp nhận
DTX → SCP	0,164	4,005	<0,001	Tác động bổ sung

Nguồn: Kết quả xử lý dữ liệu khảo sát của tác giả bằng SmartPLS 4.

Kết quả bootstrapping cho thấy tất cả các giả thuyết H1-H7 đều được chấp nhận với p-value nhỏ hơn 0,001. Trong nhóm nhân tố tác động đến chất lượng thông tin trên báo cáo tài chính, năng lực kế toán số có hệ số mạnh nhất (β = 0,247), tiếp theo là năng lực quản trị doanh nghiệp (β = 0,197), định hướng phát triển bền vững và chất lượng kiểm toán (cùng β = 0,188), cuối cùng là áp lực thể chế (β = 0,162). Điều này cho thấy chất lượng thông tin tài chính là kết quả tổng hợp của năng lực tổ chức và áp lực thể chế, trong đó năng lực kế toán số nổi bật hơn các nhân tố còn lại.

Đáng chú ý, chất lượng thông tin trên báo cáo tài chính có tác động tích cực và mạnh nhất đến hiệu quả hoạt động bền vững (β = 0,529; T-value = 14,607). Kết quả này khẳng định vai trò trung tâm của thông tin tài chính trong kiểm soát nguồn lực, quản trị rủi ro, nâng cao chất lượng ra quyết định và cải thiện năng lực thích ứng dài hạn. Đồng thời, biến tương tác DTX × FRQ có tác động tích cực đến SCP (β = 0,134), cho thấy chuyển đổi số làm gia tăng cường độ tác động của chất lượng thông tin tài chính đến hiệu quả hoạt động bền vững.

Mức độ giải thích, quy mô tác động và vai trò điều tiết

Hệ số R-square cho thấy mô hình giải thích được 43,1% sự biến thiên của chất lượng thông tin trên báo cáo tài chính và 37,5% sự biến thiên của hiệu quả hoạt động bền vững. Đây là mức giải thích phù hợp đối với nghiên cứu sử dụng dữ liệu khảo sát trong lĩnh vực quản trị, kế toán và phát triển bền vững.

Bảng 3. Kết quả R-square

Biến phụ thuộc nội sinh	R-square	R-square điều chỉnh
FRQ	0,431	0,424
SCP	0,375	0,371

Nguồn: Kết quả xử lý dữ liệu khảo sát của tác giả bằng SmartPLS 4.

Về quy mô tác động, quan hệ FRQ → SCP có $f^2 = 0,393$, thể hiện mức tác động lớn. Các quan hệ còn lại có quy mô tác động nhỏ; trong đó DAC → FRQ có $f^2 = 0,092$, là mức cao nhất trong nhóm nhân tố ảnh hưởng đến FRQ. Kết quả này củng cố lập luận rằng chất lượng thông tin tài chính không bị chi phối bởi một nhân tố riêng lẻ, mà được hình thành từ sự kết hợp của định hướng chiến lược, quản trị, kế toán số, kiểm toán và áp lực thể chế.

Bảng 4: Tác động có điều kiện của FRQ đến SCP theo mức độ chuyển đổi số

Mức độ chuyển đổi số	Tác động của FRQ → SCP
DTX tại -1 SD	0,394
DTX tại Mean	0,529
DTX tại +1 SD	0,663

Nguồn: Kết quả xử lý dữ liệu khảo sát của tác giả bằng SmartPLS 4.

Kết quả tác động có điều kiện cho thấy khi chuyển đổi số thấp hơn trung bình một độ lệch chuẩn, tác động của FRQ đến SCP đạt 0,394; khi chuyển đổi số ở mức trung bình, tác động này đạt 0,529; và khi chuyển đổi số cao hơn trung bình một độ lệch chuẩn, tác động tăng lên 0,663. Như vậy, chất lượng thông tin tài chính luôn có tác động tích cực đến hiệu quả hoạt động bền vững, nhưng tác động này mạnh hơn rõ rệt trong các doanh nghiệp có mức độ chuyển đổi số cao.

Mức độ phù hợp mô hình và tổng hợp kết quả

Kết quả Model Fit cho thấy SRMR của mô hình ước lượng đạt 0,051, thấp hơn ngưỡng 0,08; NFI đạt 0,810, phản ánh mức độ phù hợp tương đối của mô hình. Trong PLS-SEM, các chỉ số này được xem là thông tin bổ sung, trong khi trọng tâm đánh giá vẫn là chất lượng thang đo, hệ số đường dẫn, mức độ giải thích và khả năng diễn giải của mô hình.

Tổng hợp kết quả cho thấy mô hình nghiên cứu đạt yêu cầu về mô hình đo lường và mô hình cấu trúc. Các thang đo đạt độ tin cậy, giá trị hội tụ và giá trị phân biệt; mô hình không có đa cộng tuyến nghiêm trọng; tất cả giả thuyết đều được chấp nhận. Đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa

Việt Nam, nâng cao hiệu quả hoạt động bền vững không chỉ phụ thuộc vào định hướng bền vững, năng lực quản trị, kế toán số, kiểm toán và áp lực thể chế, mà còn phụ thuộc vào khả năng cải thiện chất lượng thông tin tài chính và khai thác thông tin đó trong bối cảnh chuyển đổi số.

Kết luận và hàm ý quản trị

Nghiên cứu này làm rõ tác động của các nhân tố tổ chức và thể chế đến hiệu quả hoạt động bền vững của doanh nghiệp nhỏ và vừa Việt Nam thông qua vai trò trung gian của chất lượng thông tin trên báo cáo tài chính và vai trò điều tiết của chuyển đổi số. Kết quả kiểm định bằng SmartPLS 4 cho thấy chất lượng thông tin tài chính giữ vai trò trung tâm, kết nối định hướng phát triển bền vững, năng lực quản trị, kế toán số, chất lượng kiểm toán và áp lực thể chế với hiệu quả hoạt động bền vững. Vì vậy, báo cáo tài chính không chỉ phản ánh quá khứ, mà còn là nền tảng thông tin phục vụ quản trị, kiểm soát rủi ro, ra quyết định và phát triển dài hạn.

Kết quả nghiên cứu củng cố quan điểm rằng hiệu quả hoạt động bền vững không thể chỉ nhìn qua kết quả tài chính ngắn hạn, mà cần gắn với năng lực quản trị, chất lượng hệ thống thông tin, khả năng thích ứng công nghệ và trách nhiệm giải trình. Trong bối cảnh doanh nghiệp nhỏ và vừa Việt Nam còn hạn chế về nguồn lực, nhân sự kế toán, kiểm soát nội bộ và năng lực công nghệ, nâng cao chất lượng thông tin tài chính là điều kiện quan trọng để cải thiện quản trị và hiệu quả bền vững, phù hợp với hướng tiếp cận của Malesios và cộng sự (2021), Melo và cộng sự (2023).

Về hàm ý quản trị, doanh nghiệp nhỏ và vừa cần xem chất lượng thông tin trên báo cáo tài chính là năng lực quản trị cốt lõi, thay vì chỉ là yêu cầu tuân thủ. Thông tin tài chính đáng tin cậy, kịp thời và dễ hiểu giúp nhà quản trị đánh giá nguồn lực, kiểm soát chi phí, quản trị dòng tiền, nhận diện rủi ro và lập kế hoạch. Doanh nghiệp cũng cần phát triển kế toán số, số hóa quy trình dữ liệu từ chứng từ, ghi nhận, lưu trữ, đối chiếu, lập báo cáo đến phân tích; đồng thời củng cố phân quyền, phê duyệt giao dịch và kiểm tra nội bộ.

Bên cạnh các yếu tố nội tại, doanh nghiệp cần coi kiểm toán, kiểm tra hoặc soát xét thông tin tài chính là công cụ hoàn thiện hệ thống. Ngay cả khi chưa bắt buộc kiểm toán độc lập, doanh nghiệp vẫn nên kiểm tra nội bộ, thuê tư vấn kế toán hoặc soát xét định kỳ để phát hiện sai sót và cải thiện quy trình báo cáo. Áp lực từ pháp luật kế toán, thuế, ngân hàng, khách hàng lớn, đối tác chuỗi cung ứng và chuẩn mực nghề nghiệp cần được xem là động lực chuẩn hóa hệ thống kế toán, nâng cao minh bạch và tăng khả năng tiếp cận tín dụng, hợp tác.

Đối với chuyển đổi số, nghiên cứu cho thấy đây là điều kiện giúp doanh nghiệp khai thác tốt hơn giá trị của thông tin tài chính. Doanh nghiệp cần từng bước kết nối dữ liệu kế toán với dữ liệu bán hàng, hàng tồn kho, khách hàng, dòng tiền, chi phí và hiệu quả vận hành để thông tin tài chính không chỉ phản ánh kết quả đã xảy ra, mà còn hỗ trợ dự báo, cảnh báo rủi ro và ra quyết định kịp thời. Cơ quan quản lý, hiệp hội nghề nghiệp và tổ chức hỗ trợ nên tăng cường đào tạo về hệ thống kế toán, kiểm soát nội bộ, quản trị dữ liệu và chuyển đổi số.

Tóm lại, nâng cao hiệu quả hoạt động bền vững của doanh nghiệp nhỏ và vừa Việt Nam cần được tiếp cận từ nền tảng thông tin và năng lực quản trị. Các nhân tố tổ chức và thể chế tạo điều kiện cải thiện chất lượng thông tin trên báo cáo tài chính; chất lượng thông tin tài chính giúp doanh nghiệp ra quyết định tốt hơn; chuyển đổi số làm gia tăng khả năng khai thác thông tin để tạo ra giá trị bền vững. Vì vậy, doanh nghiệp cần đồng thời chú trọng ba trụ cột: chất lượng thông tin tài chính, chuyển đổi số và quản trị hướng đến bền vững.

Lời cảm ơn: *Bài viết này là một phần trong luận án tiến sĩ của nghiên cứu sinh Võ Đình Phụng tại Học viện Tài Chính, dưới sự hướng dẫn của PGS.TS. Ngô Thị Thu Hồng và TS. Lê Thị Hương.*

Tài liệu tham khảo:

Barney, J. B. (1991). Firm resources and sustained competitive advantage. Journal of Management, 17(1), 99–120. https://doi.org/10.1177/014920639101700108.

Cantele, S., & Zardini, A. (2020). What drives small and medium enterprises towards sustainability? Role of interactions between pressures, barriers, and benefits. Corporate Social Responsibility and Environmental Management, 27(1), 126–136. https://doi.org/10.1002/csr.1778.

DiMaggio, P. J., & Powell, W. W. (1983). The iron cage revisited: Institutional isomorphism and collective rationality in organizational fields. American Sociological Review, 48(2), 147–160. https://doi.org/10.2307/2095101.

Freeman, R. E. (1984). Strategic management: A stakeholder approach. Pitman.

Hasan, A., Aly, D., & Hussainey, K. (2022). Corporate governance and financial reporting quality: A comparative study. Corporate Governance: The International Journal of Business in Society, 22(6), 1308–1326. https://doi.org/10.1108/CG-08-2021-0298.

Kaawaase, T. K., Nairuba, C., Akankunda, B., & Bananuka, J. (2021). Corporate governance, internal audit quality and financial reporting quality of financial institutions. Asian Journal of Accounting Research, 6(3), 348–366. https://doi.org/10.1108/AJAR-11-2020-0117.

Kerrouche, N., & Belouada, F. (2025). Digital transformation and the quality of financial reports: Evidence from Saudi listed companies. International Journal of Data and Network Science, 9(1), 243–252. https://doi.org/10.5267/j.ijdns.2024.7.012.

Malesios, C., De, D., Moursellas, A., Dey, P. K., & Evangelinos, K. (2021). Sustainability performance analysis of small and medium sized enterprises: Criteria, methods and framework. Socio-Economic Planning Sciences, 75, 100993. https://doi.org/10.1016/j.seps.2020.100993.

Melo, I. C., Queiroz, G. A., Alves Junior, P. N., de Sousa, T. B., Yushimito, W. F., & Pereira, J. (2023). Sustainable digital transformation in small and medium enterprises (SMEs): A review on performance. Heliyon, 9(3), e13908. https://doi.org/10.1016/j.heliyon.2023.e13908.

Teece, D. J., Pisano, G., & Shuen, A. (1997). Dynamic capabilities and strategic management. Strategic Management Journal, 18(7), 509–533. https://doi.org/10.1002/(SICI)1097-0266(199708)18:7%3C509::AID-SMJ882%3E3.0.CO;2-Z.

Zhang, Q., Zhu, X., & Lee, M.-J. (2024). Exploring institutional pressures, green innovation, and sustainable performance: Examining the mediated moderation role of entrepreneurial orientation. Sustainability, 16(5), 2058. https://doi.org/10.3390/su16052058.